

Bản án số: **402/2024/HS-ST**

Ngày: 17-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên

2. Ông Hoàng Viết Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 371/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/HSST-QĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Trần Đức T**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 22 tháng 02 năm 1994; tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Số E đường G, thôn B, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Không; Tiền án, tiền sự: Không; con ông Trần Văn T1, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1963; Bị cáo chưa có vợ, con; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Y Da La B, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Ông Y Lâm N, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Ông Y Lâm B1, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số E đường G, thôn B, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ông T1 có mặt và bà H vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức T, Y Lâm N, Y Da La B và Y Lâm B1 là những người sử dụng ma túy loại Methamphetamine hay còn gọi là ma túy đá. Sáng ngày 16/8/2024, T mượn xe Mô tô biển số 47P9 – 7528 của bà Phạm Thị H1 đi từ nhà rẫy của gia đình T tại Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đến khu vực đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, T gặp và nhờ Y Da L vào rẫy của T chặt cây muông, rồi T đi về nhà rẫy trước. Lúc này, Y Da L rủ Y Lâm N và Y Lâm B1 cùng vào nhà rẫy của T để phụ chặt cây muông. Khoảng hơn 10 giờ ngày 16/8/2024, Y Da L cùng Y Lâm N và Y Lâm B1 đi nhờ xe của người đi đường (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến nhà rẫy của T thì T lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 ống thủy tinh có một đầu dạng phễu chứa ma túy đá, một đầu có gắn một đoạn nhựa; 01 ống hút nhựa màu xanh, tất cả được gắn trên 01 nắp chai nhựa màu đỏ lắp vào một chai nhựa chứa nước, đốt hút đưa ma túy đá vào cơ thể. Thấy vậy, Y Da L, Y Lâm N và Y Lâm B1 cùng sử dụng ma túy đá với T, vỏ gói nylon chứa ma túy đá được T vứt ở khu vực bàn trong nhà rẫy. Trong quá trình sử dụng ma túy đá, T đã đốt ma túy đá cho Y Lâm B1 hút 02 hơi đưa ma túy đá vào cơ thể. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi T vừa tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Y Da La B, Y Lâm N và Y Lâm B1 xong và ngồi chơi thì bị lực lượng Công an xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào kiểm tra phát hiện, xử lý.

Tại bản Kết luận giám định số 1345/KL-KTHS, ngày 23/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

Chất màu nâu bám dính bên trong phễu thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, lượng chất màu nâu bám dính rất ít, nên không xác định được khối lượng.

Tại bản Kết luận giám định số 1345/KL-KTHS, ngày 28/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

Phong bì ký hiệu M2: Chất màu vàng nâu bám dính bên trong phễu của ống thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine. Vì lượng chất bám dính ít, nên không xác định được khối lượng.

Phong bì ký hiệu M3: Chất rắn màu trắng bám dính bên trong gói nylon màu cam được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine. Vì lượng chất bám dính ít, nên không xác định được khối lượng.

Phong bì ký hiệu M4: Chất màu trắng bám dính bên trong gói nylon màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine. Vì lượng chất bám dính ít, nên không xác định được khối lượng.

Bản cáo trạng số 375/CT-VKSTP-BMT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Đức T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Trần Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Đức T mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói và vật dụng đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một phong bì ghi “bao gói, đồ vật (mẫu vật đã sử dụng hết) đựng mẫu vật ban đầu vụ Trần Đức T – QĐTC: 3510/QĐ-MT, ngày 16/8/2024”, có các chữ ký ghi tên Vũ M, Nguyễn Thị Thúy P và đóng dấu của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T – M2 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T – M3 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T – M4 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bật lửa là tang vật của vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào ngày 16/8/2024, tại địa bàn xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trần Đức T cung cấp địa điểm, công cụ, ma túy loại Methamphetamine tổ chức cho Y Da La B, Y Lâm N và Y Lâm B1 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy.

[3] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 16/8/2024, tại địa bàn xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trần Đức T cung cấp địa điểm, công cụ, ma túy loại Methamphetamine tổ chức cho Y Dala B2, Y Lâm N và Y Lâm B1 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, hành vi mà bị cáo Trần Đức T đã thực hiện là phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định:

1. “Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)...

b) Đối với 02 người trở lên.

[4] Bị cáo là những công dân có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo phải nhận thức được rằng các loại dược chất ma túy đều thuộc sự độc quyền quản lý của Nhà nước, thông qua các cơ quan chức năng có thẩm quyền và phải tuân theo những trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đều bị trừng trị nghiêm khắc. Song, do bản tính nghiện ngập,

đua đòi, ăn chơi nên bị cáo đã bắt chât pháp luật cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại dược chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến gia đình và chính bản thân của bị cáo. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[7] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, cũng cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Xét mức hình phạt, về xử lý vật chứng và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa cơ bản là phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên về mức hình phạt đề nghị áp dụng có phần nghiêm khắc.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với toàn bộ bao gói và vật dụng đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một phong bì ghi “bao gói, đồ vật (mẫu vật đã sử dụng hết) đựng mẫu vật ban đầu vụ Trần Đức T – QĐTC: 3510/QĐ-MT, ngày 16/8/2024”, có các chữ ký ghi tên Vũ M, Nguyễn Thị Thúy P và đóng dấu của Phòng K Công an tỉnh Đ. Đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu huỷ là đúng đắn.

Đối với toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T – M2 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu của Phòng K Công an tỉnh Đ. Đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu huỷ là đúng đắn.

Đối với toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T – M3 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu của Phòng K Công an tỉnh Đ. Đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu huỷ là đúng đắn.

Đối với toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T – M4 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu của Phòng K Công an tỉnh Đ. Đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu huỷ là đúng đắn.

Đối với 01 chiếc bật lửa là tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy là đúng đắn.

[10] Về vấn đề khác:

[10.1] Đối với nguồn gốc ma túy và công cụ sử dụng ma túy mà Cơ quan điều tra tạm giữ, quá trình điều tra bị cáo Trần Đức T khai nhận đều do Y Lâm N đưa đến. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận ma túy và công cụ sử dụng ma túy đều là của bị cáo. Mặt khác, quá trình điều tra Y Lâm N, Y Dala B2, Y Lâm B1 khai nhận các vật chứng tạm giữ trên là của bị cáo T. Trong đó, mẫu vật niêm phong ký hiệu M1, M3 do bị cáo T cùng Y Lâm N, Y Da La B, Y Lâm B1 sử dụng vào ngày 16/8/2024. Còn mẫu vật được niêm phong ký hiệu M2 do bị cáo T, Y Lâm N, Y Dala B2 sử dụng vào tháng 7/2024 và ngày 06/8/2024. Đối với mẫu vật được niêm phong ký hiệu M4, bị cáo T khai nhận không rõ nguồn gốc như thế nào. Y D không thừa nhận có sử dụng ma túy với bị cáo T vào tháng 7/2024 và ngày 6/8/2024. Hiện tại Y Lâm N đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Y Lâm N để làm rõ việc Y Lâm N cùng bị cáo T và Y D cùng nhau sử dụng ma túy vào tháng 7/2024 và ngày 06/8/2024. Đồng thời, Cơ quan điều tra tách hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào tháng 7/2024 và ngày 06/8/2024 của bị cáo T, Y Lâm N, Y Dala B2 là có phù hợp.

[10.2] Đối với ông Trần Văn T1, bà Trần Thị Thu H (bố, mẹ bị cáo T) là chủ nhà rẫy tại Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Qua điều tra xác định ông T1, bà H không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông T1, bà H là phù hợp.

[10.3] Đối với bà Phạm Thị H1 là người cho bị cáo T mượn xe Mô tô biển số 47P9 – 7528 vào ngày 16/8/2024. Tuy nhiên, qua điều tra xác định bà H1 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà H1 và xe Mô tô biển số 47P9 – 7528 là phù hợp.

[10.4] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Đức T, Y Lâm N, Y Dala B2 và Y Lâm B1. Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

[1] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đức T** 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/8/2024.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ bao gói và vật dụng đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một phong bì ghi “bao gói, đồ vật (mẫu vật đã sử dụng hết) đựng mẫu vật ban đầu vụ Trần Đức T – QĐTC: 3510/QĐ-MT, ngày 16/8/2024”, có các chữ ký ghi tên Vũ M, Nguyễn Thị Thúy P và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư số 1371/KL-KTHS, ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T M2 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư số 1371/KL-KTHS, ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T M3 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một bì thư số 1371/KL-KTHS, ghi “Bao gói ban đầu vụ Trần Đức T M4 – BMT”, có các chữ ký ghi tên Nguyễn Bá H2, Trần Quang H3 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc bật lửa là tang vật của vụ án.

(Đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột)

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP . BMT;
- Công an TP.BMT;
- Chi cục THADS TP . BMT;
- Bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Đức